

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Thùy Phương**

Bà **Nguyễn Thị Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 95/2023/TB-TA ngày 08.12.2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/HSST-QĐ ngày 21.12.2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/HSST-QĐ ngày 15.01.2024, đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Vĩnh P. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20 tháng 11 năm 2001 tại Tỉnh Quảng Nam.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; bị cáo là con duy nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 08.8.2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại: Ông **Tôn Thất D**, sinh năm 1994. Địa chỉ: đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Huy C**, sinh năm 1987. Địa chỉ thường trú: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: 164 A, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thường xuyên đến quán Internet Lala (địa chỉ: đường C, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng) chơi điện tử nên Nguyễn Vĩnh P quen biết với ông Tôn Thất D (Địa chỉ: đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) làm bảo vệ ở đây. Khoảng 08h00' sáng ngày 13.4.2023, Nguyễn Vĩnh P rủ ông Tôn Thất D đi uống cà phê tại Quán D (địa chỉ: đường T, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Tại tầng hai của quán, khi nhìn thấy ông Tôn Thất D dùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 màu xanh, Nguyễn Vĩnh P nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại bán lấy tiền tiêu xài. Nguyễn Vĩnh P nói dối ông Tôn Thất D là cho mình mượn điện thoại để gọi cho mẹ, ông Tôn Thất D tin tưởng nên đã mở khóa và đưa điện thoại cho Nguyễn Vĩnh P. Khi nhận được điện thoại, Nguyễn Vĩnh P đi xuống nhà vệ sinh tại tầng một của quán, xóa mật khẩu cũ, đặt lại mật khẩu mới, xóa một số ứng dụng cá nhân trong điện thoại, tháo sim trong điện thoại bỏ vào bồn cầu rồi đi ra khỏi quán. Nguyễn Vĩnh P đi bộ đến cửa hàng điện thoại di động “Lisa Store” (địa chỉ: đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng) bán điện thoại cho ông Trần Huy C (địa chỉ: Tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) được 900.000 đồng để tiêu xài. Sau nhiều lần liên lạc với Nguyễn Vĩnh P nhưng không được nên ngày 15.4.2023, ông Tôn Thất D trình báo Công an phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi được mời đến làm việc, Nguyễn Vĩnh P đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y21S màu xanh, đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Tôn Thất D.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 68/KL-HĐĐGTS ngày 17.5.2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự - UBND quận Hải Châu, kết luận: Điện thoại di động hiệu Vivo Y21S trị giá 3.440.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại ông Tôn Thất D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Nguyễn Vĩnh P bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Huy C yêu cầu Nguyễn Vĩnh P phải trả lại tiền mua điện thoại di động là 900.000 đồng.

Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số: 87/KLĐT-CSĐT-ĐTTH ngày 06.10.2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đề nghị truy tố Nguyễn Vĩnh P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản cáo trạng số: 106/CT-VKS ngày 25.10.2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu truy tố Nguyễn Vĩnh P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Vĩnh P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Người bị hại là ông Tôn Thất D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Huy C đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Vĩnh P như Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 25.10.2023 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh P từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Vĩnh P nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập tại hồ sơ được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa, người bị hại là ông Tôn Thất D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Huy C vắng mặt nhưng hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ lời khai, yêu cầu và không có mâu thuẫn trong lời khai của những người này cũng như với lời khai của bị cáo. Việc vắng mặt của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Vĩnh P đã khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 13.4.2023, tại Quán cà phê D - đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nguyễn Vĩnh P đã dùng thủ đoạn bằng cách nói dối mượn điện thoại gọi cho người thân để chiếm đoạt của ông Tôn Thất D chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y21S trị giá 3.440.000 đồng. Sau khi nhận được tài sản, bị cáo không nhanh chóng tẩu thoát mà di chuyển từ tầng hai xuống phòng vệ

sinh của tăng một; xóa mật khẩu cũ cùng một số ứng dụng, đặt mật khẩu mới, tháo sim bỏ vào bồn cầu rồi đi bộ từ đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng đến đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng để bán điện thoại. Cách thức thực hiện hành vi của Nguyễn Vĩnh P không có các tình tiết tương tự như Án lệ số 57/AL về hành vi cướp giật tài sản được công bố theo Quyết định số: 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, hành vi của Nguyễn Vĩnh P chỉ cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số: 106/CT-VKS ngày 25.10.2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đã truy tố là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Vĩnh P không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng đối với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Vĩnh P có nhân thân tốt thể hiện ở việc chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Vĩnh P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Vĩnh P đã thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; cha mất sớm, mẹ bỏ đi. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Vĩnh P. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Giao bị cáo Nguyễn Vĩnh P cho Ủy ban nhân dân xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam để giám sát, giáo dục giúp bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự thì trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Nguyễn Vĩnh P không có công việc, thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên xét miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Vivo Y21S cho chủ sở hữu ông Tôn Thất D là có căn cứ.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại ông Tôn Thất D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Vĩnh P bồi thường gì thêm nên không đề cập đến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Huy C yêu cầu bị cáo Nguyễn Vĩnh P hoàn trả lại số tiền 900.000 đồng nhận được từ việc bán chiếc điện thoại hiệu Vivo Y21S. Xét thấy tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, người mua không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu. Do đó, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Vĩnh P bồi thường cho ông Trần Huy C số tiền như đã nêu trên.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Vĩnh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Ngoài ra, ông Trần Huy C có hành vi mua chiếc điện thoại của bị cáo Nguyễn Vĩnh P nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu không đề cập xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Vĩnh P** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vĩnh P 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Vĩnh P cho Ủy ban nhân dân xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam để giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Vĩnh P bồi thường cho ông Trần Huy C số tiền là 900.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Vĩnh P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Vĩnh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu;
- Cơ quan THA Hình sự quận Hải Châu;
- Chi Cục THADS quận Hải Châu;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Diện